TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI
Bản án số: 44/2024/ HNGĐ - ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2024
Về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN- LÀO CAI.

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lựa**.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Trọng Trung
2. Ông Hoàng Văn Thứ
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Dương- Kiểm sát viên.
Ngày 30 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2024. Về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXX ST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST - HNGĐ ngày 13/9/2024, giữa:
Nguyên đơn: Chị Lương Thị G, sinh năm 1985.
Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn NL, xã KhYTh, huyện V B, tỉnh LC. Vắng mặt có lý do.
Bị đơn: Anh Phan Văn Th, sinh năm 1982.
Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn NL, xã KhYTh, huyện V B, tỉnh LC. Vắng mặt không có lý do.

NỘI D VỤ ÁN
Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của chị Lương Thị G trình bày, có yêu cầu: Ngày 23/01/2010 chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Phan Văn Th tại UBND xã Chiềng Ken, huyện Văn Bàn. Hạnh phúc được khoảng 10 năm đến tháng 02/2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh Th bất đồng quan điểm, gay gắt nhất vào tháng 6/2020 đến nay đã sống ly thân, bỏ mặc không còn quan tâm, kinh tế của ai người đó quản lý, sử dụng và chấm dứt mối quan hệ tình cảm với anh Th tính đến nay khoảng 03 năm 03 tháng nên không có thai với anh Th. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn cách nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không được Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, chị tiếp tục sống ly thân, nhất định không đoàn tụ vợ chồng với anh Th . Đề nghị đ- ợc ly hôn với anh Phan Văn Th.

Về con chị Lương Thị G xác định: Chị và anh Th có 02 con chung là cháu Phan Thị Thùy D, sinh ngày 10/10/2010 và cháu Phan Tùng L, sinh ngày 01/10/2016. Hiện cháu D, cháu L đang do chị nuôi dưỡng, giáo dục. Nay, chị đề nghị Tòa giải quyết giao cháu D, cháu L cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nghĩa vụ thanh toán: Chị Lương Thị G xác định, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn anh Phan Văn Th: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã thông báo và phổ biến điều luật về các quyền, nghĩa vụ, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có) cho anh Th và giao văn bản tố tụng của tòa cho anh Th. Tuy nhiên, anh Th tự tước đi các quyền và nghĩa vụ, không tham gia tố tụng, không ghi ý kiến trình bày quan điểm về mối quan hệ hôn nhân, nuôi con, tài sản đối với yêu cầu khởi kiện của chị G để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Th. Anh Th đã được biết chị G khởi kiện về ly hôn, về giao con khi ly hôn với anh Th .

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lương Thị G đ- ợc ly hôn với anh Phan Văn Th.

+ Về con: Giao cháu Phan Thị Thùy D, sinh ngày 10/10/2010 và cháu Phan Tùng L ,sinh ngày 01/10/2016 cho chị Lương Thị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Văn Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị G đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

+ Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lương Thị G giao nộp và Tòa án xác minh thu thập được tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa chị G và anh Th. Do anh Th biết chị G yêu cầu giải quyết ly hôn với anh nên anh đi, không thông báo nơi ở mới và thông báo thời điểm trở về, cố ý giấu địa chỉ nơi ở mới, nơi làm việc hiện tại cho chị G không biết được địa chỉ mới của anh Th nhằm né tránh việc ly hôn với chị G. Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý đều được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng và phổ biến về các quyền, nghĩa vụ để anh Th biết đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ và trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị G. Sau đó anh Th đi làm kinh tế

thì văn bản tố tụng được tống đạt, niêm yết theo quy định đều là hợp lệ. Do anh Th không tham gia tố tụng và không ghi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị G và không gửi tài liệu, chứng cứ kèm theo, không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập để bảo vệ quyền và lợi ích của mình từ khi thụ lý đến khi xét xử lần thứ nhất vào ngày 13/9/2024 và xét xử lần hai được mở lại ngày hôm nay anh Th cố ý bỏ mặc không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn tiến hành xét xử:

[2] Về nội D vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị G xác định, ngày 23/01/2010 chị và anh Phan Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Ken, huyện Văn Bàn. Hạnh phúc được khoảng 10 năm đến tháng 02/2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị G và anh Th bất đồng quan điểm, thường xuyên điều qua tiếng lại, gay gắt nhất tháng 6/2020 chị bỏ mặc không còn quan tâm, kinh tế của ai người đó quản lý, sử dụng và chấm dứt mối quan hệ tình cảm với anh Th tính đến nay khoảng 3 năm 03 tháng nên không có thai với anh Th. Xét thấy, chị G thực sự không còn tình cảm với anh Th, thời gian chung sống với nhau thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thiếu sự chăm lo, yêu thương quý trọng giữa vợ và chồng, làm rạn nứt tình cảm và anh Th không hợp tác, không giao nộp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quan điểm của mình, có thái độ bỏ mặc hôn nhân, không có thiện trí trong việc hướng đến mục đích đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh Th mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G đề nghị được ly hôn với anh Phan Văn Th.

Về con: Chị Lương Thị G xác định: Đối với cháu Phan Thị Thùy D, sinh ngày 10/10/2010 và cháu Phan Tùng L ,sinh ngày 01/10/2016. Mặc dù chị G và anh Th không thỏa thuận về việc giao con khi ly hôn. Nay, chị G đề nghị tiếp tục giao cháu D, cháu L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, thu nhập hàng tháng của chị G có nguồn thu nhập ổn định từ tiền lương mỗi tháng 12.800.000đ có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Hiện cháu D, cháu L đã và đang do chị G chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay đã được đảm bảo. Do vậy để đảm bảo việc học tập và phát triển về thể chất lẫn tinh thần và tránh sự xáo trộn trong cuộc sống cho cháu D, cháu L cần chấp nhận đề nghị của chị G giao cháu D, cháu L cho chị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, với việc tự nguyện giao con của đương sự khi ly thân.

Về tài sản, vay nợ: Chị Lương Thị G không yêu cầu và xác định không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức vay nợ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn Th không có yêu cầu phản tố và không có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[3] Về sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lương Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Phan Văn Th không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội D vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Chị Lương Thị G đ- ợc ly hôn với anh Phan Văn Th.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị G và anh Phan Văn Th chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật

2.Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Phan Thị Thùy D, sinh ngày 10/10/2010 và cháu Phan Tùng L, sinh ngày 01/10/2016 cho chị Lương Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Văn Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lương Thị G.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm non con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lương Thị G phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhận và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000[đ] tại biên lai thu tiền số 0001497 ngày 28/6/2024

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Anh Phan Văn Th không phải chịu tiền án phí cấp dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn (01).
- Bị đơn (01).
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- UBND xã Chiềng Ken (01).
- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn(02).
- L-u HS vụ án (02),

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA TÒA

Đỗ Thị Lựa